

THỰC TRẠNG RÈN LUYỆN KĨ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

ThS. NGUYỄN THỊ MINH HIỀN*

1. Hoạt động làm việc nhóm đang là xu thế chung của con người: từ hoạt động nhóm trong học tập đến nhóm nghiên cứu khoa học, nhóm kinh doanh, nhóm lao động. Làm việc theo nhóm là nền tảng cho mọi phương thức quản lí (QL) thành công. Để huy động được tối đa tiềm năng của nhóm, một trong những cách thức QL nhóm là nâng cao sự gắn kết giữa các thành viên trong nhóm. Điều này đặc biệt quan trọng đối với các nhóm sinh viên (SV), bởi ý nghĩa kép của nó. Tổ chức UNESCO đã nêu ra 3 nhóm tiềm năng mà nhà trường cần phải tạo ra cho SV sau khi tốt nghiệp trong thế kỉ XXI là: các tiềm năng để học tập - nghiên cứu, các kĩ năng (KN) phát triển cá nhân gắn kết với xã hội, các KN làm việc nhóm.

Trường ĐH Hồng Đức là một trường đại học đa ngành đào tạo theo học chế tín chỉ. Chính vì vậy, để nâng cao chất lượng đào tạo thì mỗi giờ lên lớp của GV phải là những giờ học có hiệu quả. Hình thức làm việc nhóm đang được các GV vận dụng trong mỗi tiết dạy của mình. Với một hình thức học tập mang tính tập thể và tính hợp tác cao, mỗi SV cần phải trang bị cho mình những KN làm việc nhóm cần thiết để có thể lĩnh hội tri thức một cách sâu sắc. Tuy nhiên, trên thực tế SV của trường ĐH Hồng Đức, đặc biệt là SV năm thứ nhất, còn lúng túng và chưa được trang bị những KN làm việc nhóm cần thiết. Chính vì vậy, việc rèn luyện KN làm việc nhóm cho SV năm thứ nhất ở trường ĐH Hồng Đức là một việc làm rất cần thiết và có ý nghĩa trong việc nâng cao chất lượng dạy học ở bậc học này.

2. Chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng rèn luyện KN làm việc nhóm của SV năm thứ nhất Trường ĐH Hồng Đức nhằm ba mục đích: - Đánh giá nhận thức, thái độ của giảng viên (GV) về KN làm việc nhóm, mức độ mà họ sử dụng nó trong thực tiễn; - Tìm hiểu nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả của việc rèn luyện KN làm việc nhóm; - Các kết quả khảo sát sẽ là cơ sở thực tiễn cho việc xây dựng quy trình rèn luyện KN làm việc nhóm cho SV.

Để thực hiện nhiệm vụ này, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp dự giờ quan sát hoạt động của GV

và SV, điều tra bằng bảng hỏi, tổng kết kinh nghiệm giáo dục. Số lượng điều tra cụ thể: 56 GV; 140 SV. Xử lí phiếu điều tra cho thấy kết quả như sau:

1) Nhận thức và thái độ của GV về bản chất của quá trình làm việc nhóm

a) Nhận thức của GV về bản chất của quá trình làm việc nhóm (xem bảng 1).

TT	Nội dung của học tập theo nhóm	SL	Tỉ lệ (%)
1	Xếp chỗ ngồi cho SV cùng bàn để SV làm việc độc lập	0	0
2	Một SV học khá sau khi đã được GV hướng dẫn có nhiệm vụ giúp đỡ các SV khác.	2	3,6
3	SV trao đổi, thảo luận, giúp đỡ nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập	47	83,9
4	SV liên kết và phối hợp hoạt động với nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập chung của nhóm.	7	12,5

Bảng 1 cho thấy, GV đã có nhận thức tương đối đúng về bản chất của quá trình làm việc nhóm trong học tập. Một số ít GV quan niệm đơn giản là làm việc nhóm là xếp cho SV ngồi cạnh nhau trong một không gian, hoặc một SV khá sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ có trách nhiệm giúp đỡ SV khác ít và hầu như không có. Tuy nhiên, đa phần GV chỉ dừng lại ở quan điểm truyền thống: Làm việc nhóm là quá trình SV trao đổi, thảo luận và giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành nhiệm vụ học tập. Điều này là đúng nhưng chưa đủ. Theo quan điểm dạy học hiện đại thì làm việc nhóm phải tạo ra sự phụ thuộc tích cực buộc SV phải có sự liên kết và phối hợp hoạt động với nhau để thực hiện nhiệm vụ học tập chung trên cơ sở có sự tích cực, chủ động của mỗi thành viên. Số GV có quan niệm như vậy còn tương đối ít. Thực trạng này cho thấy, để đưa hình thức làm việc nhóm vào dạy học và phát huy hết tác dụng của nó cần nâng cao hiểu biết của GV về bản chất của quá trình làm việc nhóm.

b) Nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc rèn luyện KN làm việc nhóm. Đánh giá về hiệu quả mà việc rèn luyện KN làm việc nhóm mang lại, các

* Khoa Tâm lí - Giáo dục, Trường Đại học Hồng Đức

GV ở Trường ĐH Hồng Đức cho rằng, việc rèn luyện KN làm việc nhóm sẽ tạo điều kiện để hình thành các phẩm chất và năng lực sau đây cho SV: - Làm tăng hiệu quả lĩnh hội kiến thức: 87,54%; - Năng lực của SV bộc lộ và phát triển: 72,35%; - Làm tăng động cơ học tập của mỗi cá nhân: 86,23%; - Phát triển KN phân tích, tổng hợp: 62,12%; - Phát triển KN sáng tạo: 67,58%; - Phát triển KN giao tiếp: 89,63%; - Phát triển tính chủ động, tự tin: 81,27 %; - Phát triển tinh thần trách nhiệm của cá nhân đối với tập thể 74,43%; - Học cách đương đầu với những khó khăn để thực hiện nhiệm vụ chung: 78,36%.

Ngoài ra, một số GV còn cho rằng, rèn luyện KN làm việc nhóm sẽ góp phần nâng cao năng lực tự học, giúp cho SV hiểu sâu, nhớ lâu kiến thức. Như vậy, nhìn chung GV đều đánh giá cao hiệu quả của việc rèn luyện KN làm việc nhóm. Đây là điều kiện thuận lợi để rèn luyện KN làm việc nhóm cho SV hiệu quả hơn.

c) *Thái độ của GV đối với việc rèn luyện KN làm việc nhóm cho SV:* Do nhận thức tương đối đúng đắn và đầy đủ về nội dung, ý nghĩa của KN làm việc nhóm trong thực tiễn nên các GV rất ủng hộ cho việc rèn luyện các KN này trong quá trình thực tiễn dạy học trên lớp của SV. Cụ thể: - Rất cần thiết: 91%; - Cần thiết: 9 %; - ít cần thiết: 0%; - Không cần thiết: 0%. Các số liệu trên cho thấy các GV rất nhiệt tình và tích cực hưởng ứng việc trang bị và rèn luyện KN làm việc nhóm cho các em SV năm thứ nhất.

2) Đánh giá thực trạng KN làm việc nhóm trong học tập của SV năm thứ nhất Trường ĐH Hồng Đức
Sử dụng câu hỏi 4 trong phiếu điều tra. Cho điểm

Bảng 2. GV đánh giá KN làm việc nhóm trong học tập của SV

STT	Các KN	Mức độ										X	TB
		1		2		3		4		5			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	KN diễn đạt, trình bày một vấn đề	6	0,71	9	16,07	26	46,43	8	14,29	7	12,5	3,02	2
2	KN lắng nghe, tiếp nhận thông tin	5	8,93	9	16,07	22	39,29	11	19,64	9	16,07	3,18	1
3	KN phản hồi tích cực	9	16,07	9	16,07	23	42,7	7	12,5	8	14,29	2,93	5
4	KN đánh giá, tự đánh giá	8	14,29	7	12,5	24	42,86	9	16,07	8	14,29	3,04	4
5	KN làm việc độc lập	4	7,14	13	23,21	22	39,29	9	16,07	8	14,29	3,07	3
6	KN sáng tạo	6	10,71	7	12,5	29	51,79	6	10,71	8	14,29	3,05	4
7	KN liên kết, phối hợp các thành viên trong nhóm	8	14,29	13	23,21	20	35,71	8	14,29	7	12,5	2,88	6
8	KN ra quyết định	6	10,71	8	14,29	26	46,43	7	12,5	9	16,07	3,09	2

1, 2, 3, 4, 5 là các mức độ đánh giá của GV về SV và SV cũng tự đánh giá KN hiện có của mình (1: Thể hiện kém, 2: Thể hiện mức TB, 3: Thể hiện mức khá, 4: Thể hiện tốt, 6: Thể hiện rất tốt).

Bảng 3. SV tự đánh giá KN làm việc nhóm của bản thân

STT	Các KN	Mức độ										X	TB
		1		2		3		4		5			
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1	KN diễn đạt, trình bày một vấn đề	21	4,62	45	32,31	44	31,54	21	15,38	9	6,15	2,66	3
2	KN lắng nghe, tiếp nhận thông tin	13	9,23	45	32,31	52	36,92	19	13,85	11	7,69	2,78	2
3	KN phản hồi tích cực	27	19,23	52	36,92	40	28,46	13	9,23	8	6,15	2,46	5
4	KN đánh giá, tự đánh giá	22	15,38	48	34,62	47	33,85	13	9,23	10	6,92	2,58	4
5	KN làm việc độc lập	10	6,92	45	32,31	48	34,62	25	17,69	12	8,46	2,88	1
6	KN sáng tạo	27	19,23	52	36,92	41	29,23	12	8,46	8	6,15	2,45	4
7	KN liên kết, phối hợp các thành viên trong nhóm	34	24,62	55	39,23	34	24,62	10	6,92	7	4,62	2,28	7
8	KN ra quyết định	19	13,85	48	34,62	40	30,77	18	12,85	12	8,57	2,42	6

Ý kiến đánh giá của GV. Kết quả điều tra ở bảng 2 và qua trò chuyện với một số GV dạy các khoa ở các học phần và quan sát biểu hiện của SV trong quá trình làm việc nhóm trong các giờ học cho thấy: - Chủ yếu SV thể hiện KN làm việc nhóm ở mức độ khá, tỉ lệ GV đánh giá là hơn 40%. Tỉ lệ đánh giá cao nhất ở mức độ khá là 51,79% ở KN sáng tạo và thấp nhất là KN liên kết, phối hợp các thành viên trong nhóm ở mức độ khá là 35,71% được GV đánh giá; - SV thể hiện KN làm việc nhóm ở mức độ tốt và rất tốt đạt được ở tất cả các KN nhưng chiếm tỉ lệ không cao; - Vẫn còn một số SV có KN làm việc nhóm ở mức độ kém. Thấp nhất là KN phản hồi tích cực có 16,07% GV đánh giá, KN tổ chức, phối hợp các thành viên trong nhóm ở mức thể hiện kém có 14,29% GV đánh giá.

Ý kiến đánh giá của SV: - Kết quả ở bảng 3 cho thấy, SV tự đánh giá các KN làm việc nhóm trong học tập của mình ở mức độ khác nhau. Vì là SV năm thứ nhất nên SV đánh giá KN ở mức cao nhất với điểm trung bình là 2,88 (chưa đạt đến mức độ khá) là KN làm việc độc lập với mức thể hiện tốt và rất tốt là 37 SV. Tỉ lệ SV biểu hiện trung bình là 32,31%, kém là 6,92%. Tiếp đó, là KN lắng nghe, tiếp nhận thông tin với điểm trung bình là 2,46 và tỉ lệ SV trung bình là 32,31%, kém là 9,23%; - KN phản hồi tích cực với điểm trung bình là 2,46. Thấp nhất là KN tổ chức, phối hợp các

thành viên trong nhóm với điểm trung bình là 2,28.

3) Các nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình làm việc nhóm: Để tìm hiểu nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình làm việc nhóm, chúng tôi đã sử dụng phương pháp điều tra và phỏng vấn trực tiếp các GV. Kết quả được thể hiện ở *bảng 4*.

Bảng 4. Các nguyên nhân ảnh hưởng đến quá trình làm việc nhóm của SV

TT	Nguyên nhân	SL	Tỉ lệ %
1	Do cơ sở vật chất không đầy đủ	45	80,4
2	Số lượng SV trong lớp quá đông	50	89,3
3	Nội dung học phần khó có thể tổ chức giờ thảo luận nhóm.	32	57,1
4	Năng lực sư phạm của GV còn yếu	25	44,6
5	SV chưa có KN làm việc nhóm	51	91,1
6	Chưa có 1 quy trình tổ chức làm việc nhóm hợp lí	52	92,9
7	Không đủ thời gian cho phép	12	21,4
8	Các nguyên nhân khác	5	8,9

Chúng tôi chia ra hai nhóm nguyên nhân chủ yếu: - *Nguyên nhân chủ quan*. Số liệu ở *bảng 4* cho thấy, nguyên nhân cơ bản nhất ảnh hưởng đến quá trình làm việc nhóm trong học tập của SV là do năng lực sư phạm của GV còn non yếu chiếm 44,6%. Đây chính là một sự thật khách quan mà GV cần nhìn vào để khắc phục hạn chế. Nguyên nhân chủ quan thứ hai thuộc về SV. Tỉ lệ đánh giá của GV đối với nguyên nhân này là cao nhất chiếm 91,1%. Lao động tập thể đòi hỏi SV phải biết cách phối hợp và liên kết hoạt động với nhau, hay nói cách khác SV phải có KN làm việc nhóm. Tuy nhiên, qua khảo sát cho thấy KN này được thể hiện chưa tốt. SV lúng túng khi phân chia các công việc cho từng thành viên, SV chưa có khả năng điều phối quá trình làm việc nhóm có hiệu quả. Một bộ phận không nhỏ SV ỷ lại, thụ động, không tự tin nên dẫn đến quá trình làm việc nhóm chỉ tập trung ở một số SV khá, giỏi; - *Nguyên nhân khách quan*. Chiếm vị trí đầu tiên trong nguyên nhân khách quan đó là do chưa có một quy trình rèn luyện KN làm việc nhóm hợp lí. Nguyên nhân này đứng đầu tiên với tỉ lệ là 92,9%. Đây là điều dễ hiểu vì sao chất lượng các giờ làm việc nhóm chưa cao, SV còn lúng túng về các KN làm việc nhóm. Tiếp đến là nguyên nhân là do số lượng SV trong lớp học quá đông, tỉ lệ này chiếm 89,3%. Đây chính là hạn chế thường thấy của một giờ thảo luận. Thông thường, để thảo luận hiệu quả GV có thể chia thành các nhóm nhỏ từ 6-8 SV một nhóm. Nhưng do số lượng SV quá đông

nên GV phải chia thành các nhóm lớn từ 10-12 em SV trên một nhóm. Bên cạnh đó phòng học cũng nhỏ hẹp nên việc kê bàn ghế, xếp chỗ ngồi cho SV thảo luận "mặt đối mặt" cũng là vấn đề mà nhiều GV quan tâm và chia sẻ. Tiếp theo là do nội dung môn học khó có thể tổ chức giờ thảo luận. Không phải môn học nào, chương bài nào cũng có thể tổ chức tốt giờ làm việc nhóm. Có những môn học mà GV cho rằng rất khó để xây dựng giờ làm việc nhóm hiệu quả cho các em.

Tóm lại, có rất nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến hiệu quả của quá trình làm việc nhóm trong học tập của SV. Để khắc phục những nguyên nhân này đòi hỏi phải có những giải pháp đồng bộ và toàn diện.

3. Rèn luyện KN làm việc nhóm cho SV trong học tập đòi hỏi mỗi GV phải có nhận thức đúng đắn về học tập theo nhóm, vai trò, ý nghĩa của việc rèn luyện KN làm việc nhóm cho SV. Dạy các KN làm việc nhóm trở thành điều kiện tiên quyết đối với hoạt động lĩnh hội tri thức. Khi SV biết phối hợp hoạt động với người khác một cách có hiệu quả thì kết quả lĩnh hội tri thức của các em sẽ được nâng lên rõ rệt. Từ đó mỗi giáo viên phải có những biện pháp cụ thể, tạo môi trường học tập thuận lợi cho SV rèn luyện KN làm việc nhóm. Và một điều quan trọng là mỗi GV phải xác định đây là nhiệm vụ quan trọng cần đạt được trong quá trình dạy học ở nhà trường đại học. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Bảo - Hà Thị Đức. **Hoạt động dạy học ở trường trung học cơ sở**. NXB Giáo dục, H. 2000.
2. Nguyễn Sinh Huy - Nguyễn Văn Lê. **Giáo dục học**. NXB Đại học quốc gia, H. 1996.
3. Nguyễn Kỳ. **Phương pháp dạy học tích cực lấy học sinh làm trung tâm**. NXB Giáo dục, H. 1996.
4. I.A. Leccne. **Dạy học nêu vấn đề**. NXB Giáo dục, H. 1987.

SUMMARY

The article surveys the current situation of training of teamwork skill of 1st year students at Hong Duc University with an aim to: - Assessing lecturers' awareness and attitude concerning teamwork skill, their level of application in practice; - Finding out the causes affecting the efficiency of teamwork skill training; - Surveying results will be the practical basis for building the procedure for training teamwork skill for students.